BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HOC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
Số: 324 /QĐ - YDHP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 02 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

(V/v công nhận thí sinh trúng tuyển hệ liên thông VLVH ngành Điều dưỡng đợt 2 năm 2018)

HIỆU TRƯỞNG – CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH 2018 TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học;

Căn cứ Công văn số 157/BGDĐT-GDĐH ngày 14 tháng 01 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép liên kết đào tạo liên thông VLVH của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm 2018

Căn cứ Thông báo số 35A/TB-YDHP, ngày 15 tháng 01 năm 2019 về việc tuyển sinh đào tạo liên thông điều dưỡng trình độ đại học hệ vừa làm vừa học đợt 2 năm 2018.

Căn cứ vào biên bản xét tuyển vào Trường Đại học Y Dược Hải phòng năm 2018 của Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công nhận trúng tuyển vào Trường Đại học Y Dược Hải Phòng hệ liên thông VLVH ngành Điều dưỡng đợt 2 năm 2018 cho **273** thí sinh trúng tuyển ngành Điều dưỡng.

(có biên bản xét tuyển và danh sách trúng tuyển kèm theo)

Điều 2: Giao cho Phòng Đào tạo đại học làm các thủ tục cần thiết để triệu tập các thí sinh về nhập học và tổ chức đào tạo.

Điều 3: Các ông (bà) Trưởng Phòng Đào tạo Đại học, Tài chính kế toán, Hành chính – tổng hợp, trưởng các đơn vị trực thuộc có liên quan và các thí sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu ĐTĐH;
- Lưu VT.

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG

Số: 38A/TB-YDHP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 02 tháng 4 năm 2019

ĐIỂM CHUẨN VÀ SỐ LƯỢNG THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TSĐH HỆ LIÊN THÔNG VLVH NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG NĂM 2018 ĐỢT 2 CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Y Dược Hải Phòng thông báo điểm chuẩn và số lượng thí sinh trúng tuyển và Trường Đại học Y Dược Hải Phòng như sau:

STT	Ngành	Điểm trúng tuyển	Số thí sinh trúng tuyển
1	Điều dưỡng (CĐ – ĐH)	22.03	261
2	Điều dưỡng (TC – ĐH)	23.80	12
		Tổng	**273**

Ghi chú:
- Điểm chuẩn được ghi trong bảng là điểm đã bao gồm điểm ưu tiên khu vực và đối tượng
- Điểm xét tuyển bao gồm: Kết quả học tập lớp 12 THPT môn (Toán + Hóa + Sinh) + Điểm TBC toàn khóa hệ Cao đẳng/Trung cấp.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

Nơi nhận:
- Website nhà trường
- Lưu: VT, ĐTĐH

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN LIÊN THÔNG ĐIỀU DƯỠNG HỆ VLVH TỪ CAO ĐẲNG LÊN ĐẠI HỌC NĂM 2018 - 2019 - ĐỢT 2

(Kèm theo Quyết định số 324 /QĐ-YDHP, ngày 02 tháng 4 năm 2019 về việc công nhận thí sinh trúng tuyển hệ liên thông VLVH ngành Điều dưỡng năm 2018)

TT	Tên ngành học	Mã xét tuyển	Họ	Tên	NGÀY SINH	Giới tính	Toán (1)	Hóa (2)	Sinh (3)	Điểm TBC toàn khóa Trung cấp/Cao đẳng (4)	Khu vực	Điểm ưu tiên khu vực (5)	Ưu tiên đối tượng	Điểm ưu tiên đối tượng (6)	Tổng điểm (1+2+3+4+5+6)	Ghi chú
1	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A95	Phan Thị	Nhàn	15/5/1992	Nữ	8.6	8.6	9.7	8.07	2NT	0.5	3	0	35.47	
2	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDQN- A33	Bùi Thị Lan	Phương	07/03/1983	Nữ	8.3	8.4	9.1	8.31	2	0.25	2	1	35.36	
3	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A72	Ngô Thị	Thu	10/10/1984	Nữ	7.7	7.7	9.5	8.7	3	0	2	1	34.60	
4	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A77	Trần Đức	Tùng	21/05/1993	Nam	9.3	8.9	8.8	7.35	3	0	3	0	34.35	
5	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A09	Phạm Phương	Chi	03/06/1996	Nữ	9.0	9.5	8.0	7.34	3	0	3	0	33.84	
6	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 09	Nguyễn Thị	Mậu	8/4/1988	Nữ	8.5	7.3	8.5	8.24	2	0.25	2	1	33.79	
7	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDQN- A12	Vũ Thị Trà	Giang	23/11/1992	Nữ	8.9	9.1	7.0	7.24	2	0.25	2	1	33.49	
8	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	DD.A05	Đặng Thị	Huệ	01/9/1994	Nữ	8.4	8.3	8.2	8.24	2	0.25	3	0	33.39	
9	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDQN- A31	Đinh Thị Minh	Nguyệt	21/11/1983	Nữ	7.5	8.2	7.6	8.77	2	0.25	2	1	33.32	
10	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDQN- A44	Lê Hải	Yến	19/4/1981	Nữ	8.1	8.4	7.7	7.84	2	0.25	2	1	33.29	
11	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDQN- A05	Bùi Thị	Bông	14/10/1986	Nữ	7.9	8.1	8.4	7.6	2	0.25	2	1	33.25	
12	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 53	Phạm Thị	Anh	31/3/1988	Nữ	8.5	8.4	8.9	7.43	3	0	3	0	33.23	
13	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 35	Trịnh Thị	Oanh	12/3/1995	Nữ	7.5	9.9	8.0	7.47	2	0.25	3	0	33.12	
14	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	DD.A07	Vũ Thị	Ngọc	12/9/1988	Nữ	7.4	8.3	9.1	7.01	2	0.25	2	1	33.06	
15	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	DD.A04	Nguyễn Thị Hải	Vân	03/12/1992	Nữ	7.1	8.8	9.0	6.63	2NT	0.5	2	1	33.03	
16	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDQN- A03	Nguyễn Phương	Anh	29/7/1995	Nữ	8.9	8.1	8.0	7.52	2NT	0.5	3	0	33.02	
17	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A36	Chử Thùy	Hương	14/10/1988	Nữ	7.1	8.7	8.2	7.95	3	0	2	1	32.95	
18	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDQN- A32	Hoàng Thị	Nhinh	11/12/1993	Nữ	8.1	8.1	7.4	8.1	2	0.25	2	1	32.95	
19	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	DD.A38	Nguyễn Thị Phương	Thảo	03/6/1988	Nữ	8.5	8.0	8.2	6.96	2	0.25	2	1	32.91	
20	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A61	Nguyễn Thị Kim	Oanh	20/01/1993	Nữ	7.6	8.0	8.2	8.05	3	0	2	1	32.85	
21	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A115	Trịnh Hải	Yến	14/12/1985	Nữ	8.9	7.2	8.3	8.37	3	0	3	0	32.77	
22	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 33	Trần Thị	Uyên	4/11/1992	Nữ	8.8	7.5	8.1	7.35	3	0	2	1	32.75	
23	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDQN- A36	Ngô Thị Lệ	Quyên	17/8/1984	Nữ	7.8	7.8	8.1	7.8	2	0.25	2	1	32.75	
24	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	DD.A08	Nguyễn Thị	Nguyệt	16/12/1992	Nữ	8.4	8.2	8.5	7.3	2	0.25	3	0	32.65	
25	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 38	Quách Thị	Nhung	15/9/1990	Nữ	8.2	7.1	8.2	7.87	2	0.25	2	1	32.62	
26	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A43	Đậu Thị	Huyền	18/08/1995	Nữ	8.5	8.9	7.4	7.28	2NT	0.5	3	0	32.58	

TT	Tên ngành học	Mã xét tuyển	Họ	Tên	NGÀY SINH	Giới tính	Toán (1)	Hóa (2)	Sinh (3)	Điểm TBC toàn khóa Trung cấp/Cao đẳng (4)	Khu vực	Điểm ưu tiên khu vực (5)	Ưu tiên đối tượng	Điểm ưu tiên đối tượng (6)	Tổng điểm (1+2+3+4+5+6)	Ghi chú
27	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A01	Đào Văn	Đạt	04/04/1993	Nam	8.7	7.1	9.4	7.36	3	0	3	0	32.56	
28	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	DD.A09	Nguyễn Thị Lan	Anh	12/9/1990	Nữ	7.6	7.6	7.9	7.81	2NT	0.5	2	1	32.41	
29	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A38	Đặng Thị	Hường	11/12/1992	Nữ	8.1	8.4	7.3	7.56	3	0	2	1	32.36	
30	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	DD.A26	Bùi Thị	Trang	20/9/1994	Nữ	7.5	7.3	7.8	8.48	2	0.25	2	1	32.33	
31	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	DD.A20	Nguyễn thị	Diệp	21/8/1994	Nữ	7.5	8.6	8.0	7.2	3	0	2	1	32.30	
32	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDQN- A35	Lê Thị Bích	Phượng	22/10/1982	Nữ	7.8	8.5	6.6	8.11	2	0.25	2	1	32.26	
33	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	DD.A17	Phạm Thị	Len	06/9/1987	Nữ	7.3	8.0	8.2	7.21	2NT	0.5	2	1	32.21	
34	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A87	Trần Thị	Quyết	19/01/1986	Nữ	7.5	7.9	7.6	7.94	2	0.25	2	1	32.19	
35	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A33	Bùi Thị	Huệ	30/04/1994	Nữ	8.4	7.6	8.5	7.63	3	0	3	0	32.13	
36	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDQN- A41	Phạm Thị Thu	Trang	24/12/1983	Nữ	7.9	7.3	8.0	7.6	2	0.25	2	1	32.05	
37	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDQN- A43	Trần Thị	Vân	01/04/1989	Nữ	8.5	8.1	6.5	7.66	2	0.25	2	1	32.01	
38	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDQN- A23	Nguyễn Thị	Huyền	09/10/1991	Nữ	8.5	7.5	7.7	7.03	2	0.25	2	1	31.98	
39	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	DD.A12	Nguyễn Thị	Yến	12/01/1994	Nữ	8.8	7.7	7.1	8.11	2	0.25	3	0	31.96	
40	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A37	Nguyễn Thị	Hường	16/05/1989	Nữ	7.4	8.2	8.2	7.11	3	0	2	1	31.91	
41	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A54	Đinh Thị Thúy	Nga	08/05/1988	Nữ	7.4	7.0	8.5	7.92	3	0	2	1	31.82	
42	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A96	Nguyễn Thị Thanh	Lương	18/3/1990	Nữ	7.9	8.0	8.2	7.67	3	0	3	0	31.77	
43	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDQN- A08	Trịnh Thị	Dự	15/4/1982	Nữ	6.8	7.5	8.7	7.46	2	0.25	2	1	31.71	
44	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A45	Đặng Thị Thu	Khuyên	11/12/83	Nữ	8.1	7.8	7.4	8.31	3	0	3	0	31.61	
45	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A44	Nguyễn Thị	Khuyên	08/03/1988	Nữ	6.6	8.1	8.4	7.4	3	0	2	1	31.50	
46	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 11	Nguyễn Thị Bích	Việt	13/8/1988	Nữ	7.8	7.0	7.5	7.85	2	0.25	2	1	31.40	
47	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 34	Đỗ Minh	Thúy	19/7/1996	Nữ	8.4	8.2	7.4	7.11	2	0.25	3	0	31.36	
48	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A29	Nguyễn Thị	Hòa	07/08/1989	Nữ	6.5	7.6	8.7	7.56	3	0	2	1	31.36	
49	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 31	Nguyễn Trà	Giang	19/5/1993	Nữ	7.5	8.5	6.5	7.58	2	0.25	2	1	31.33	
50	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 42	Tô Thị	Hằng	01/5/1991	Nữ	7.0	7.6	8.1	7.52	3	0	2	1	31.22	
51	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 25	Lê Thị Phương	Loan	13/12/1985	Nữ	7.1	7.7	7.5	7.62	2	0.25	2	1	31.17	
52	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A110	Nguyễn Thị	Quỳnh	8/8/1990	Nữ	7.2	7.8	7.3	7.56	2	0.25	2	1	31.11	
53	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	DD.A10	Trần Thị	Nụ	15/5/1984	Nữ	8.8	7.4	6.5	7.09	2	0.25	2	1	31.04	
54	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A20	Đỗ Thị	Hà	29/08/1991	Nữ	7.3	7.7	7.4	7.59	3	0	2	1	30.99	
55	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A108	Ngô Thị	Mai	11/10/1995	Nữ	8.1	7.9	6.7	8.23	3	0	3	0	30.93	
56	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	DD.A18	Bùi Thị Thu	Trang	04/9/1986	Nữ	6.8	7.1	9.0	7.01	3	0	2	1	30.91	
57	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	DD.A42	Phùng Ngọc	Hưng	03/11/1995	Nam	8.4	8.2	7.4	6.9	3	0	3	0	30.90	

TT	Tên ngành học	Mã xét tuyển	Họ	Tên	NGÀY SINH	Giới tính	Toán (1)	Hóa (2)	Sinh (3)	Điểm TBC toàn khóa Trung cấp/Cao đẳng (4)	Khu vực	Điểm ưu tiên khu vực (5)	Ưu tiên đối tượng	Điểm ưu tiên đối tượng (6)	Tổng điểm (1+2+3+4+5+6)	Ghi chú
58	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 17	Hoàng Thị	Nguyệt	10/5/1991	Nữ	7.4	7.4	8.3	7.48	2	0.25	3	0	30.83	
59	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A73	Hoàng Thị	Thủy	01/03/1990	Nữ	7.3	7.1	8.1	7.27	3	0	2	1	30.77	
60	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 18	Dương Thị Thu	Hằng	02/8/1991	Nữ	6.6	6.8	8.5	7.6	2	0.25	2	1	30.75	
61	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 39	Lê Thị	Hiền	03/11/1983	Nữ	7.4	7.3	7.0	7.78	2	0.25	2	1	30.73	
62	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A93	Nguyễn Thị Hương	Liên	18/5/1992	Nữ	6.9	7.0	7.5	8.07	2	0.25	2	1	30.72	
63	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDQN- A42	Phan Văn	Tuyến	01/12/1992	Nam	7.8	6.4	7.3	7.9	2	0.25	2	1	30.65	
64	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 30	Nguyễn Thị	Huế	25/6/1993	Nữ	7.8	7.7	6.9	7.99	2	0.25	3	0	30.64	
65	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A18	Nguyễn Thị	Giang	22/09/1985	Nữ	7.3	7.6	6.9	7.84	3	0	2	1	30.64	
66	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 44	Đỗ Công	Hưởng	30/4/1988	Nam .	6.2	6.8	8.5	7.85	2	0.25	2	1	30.60	
67	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 10	Nguyễn Thị	Hà	21/4/1984	Nữ	6.5	7.5	7.3	8.0	2	0.25	2	1	30.55	
68	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDQN- A17	Bùi Thị	Hoa	23/8/1981	Nữ	7.5	6.6	7.2	8.0	2	0.25	2	1	30.55	
69	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	DD.A45	Bùi Thị	Phương	13/03/1989	Nữ	8.7	6.0	7.3	7.3	2	0.25	2	1	30.55	
70	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A112	Vũ Thị	Thanh	26/9/1988	Nữ	7.3	6.4	7.3	8.09	2	0.25	2	1	30.34	
71	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A06	Đỗ Thị Kiều	Anh	24/08/1990	Nữ	6.4	8.5	7.6	7.83	3	0	3	0	30.33	
72	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A15	Vũ Thị	Dung	12/01/1992	Nữ	8.0	6.1	7.8	7.4	3	0	2	1	30.30	
73	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 08	Nguyễn Thị	Thành	28/10/1988	Nữ	7.2	6.7	7.0	8.03	2	0.25	2	1	30.18	
74	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 27	Đinh Văn	Nam	5/4/1980	Nam	6.8	6.6	7.9	7.88	3	0	2	1	30.18	
75	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	DD.A19	Bùi Thị Kim	Oanh	05/9/1992	Nữ	7.3	6.6	7.7	8.06	2NT	0.5	3	0	30.16	
76	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	DD.A31	Thái Thị Thu	Hằng	26/12/1980	Nữ	7.0	6.9	7.4	7.59	2	0.25	2	1	30.14	
77	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 29	Bùi Thị Diệu	Linh	14/10/1995	Nữ	7.8	8.1	6.8	7.19	2	0.25	3	0	30.14	
78	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A88	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	16/09/1987	Nữ	6.7	7.1	7.5	7.81	3	0	2	1	30.11	
79	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 04	Nguyễn Thị	Thơm	17/9/1990	Nữ	6.2	7.5	7.0	8.16	2	0.25	2	1	30.11	
80	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	DD.A15	Vũ Thị	Dung	01/8/1991	Nữ	5.8	7.3	7.4	8.09	2NT	0.5	2	1	30.09	
81	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A49	Nguyễn Thị Mỹ	Liên	02/02/1990	Nữ	8.0	6.4	7.1	7.55	3	0	2	1	30.05	
82	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDQN- A13	Nguyễn Thị Thái	Hà	19/8/1996	Nữ	6.4	6.9	9.2	7.3	2	0.25	3	0	30.05	
83	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A80	Trần Thúy	Vân	03/10/1992	Nữ	6.3	7.2	7.9	7.63	3	0	2	1	30.03	
84	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	DD.A24	nguyễn Thanh	Nam	11/11/1992	Nam	7.5	7.4	6.6	7.27	2	0.25	2	1	30.02	
85	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 12	Hữu Thị	Thủy	11/11/1983	Nữ	7.9	5.8	7.3	7.76	2	0.25	2	1	30.01	
86	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A19	Dương Thị	Hà	18/10/1991	Nữ	7.5	5.9	8.2	7.4	3	0	2	1	30.00	
87	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDQN- A22	Phạm Thị	Huyền	09/12/1991	Nữ	7.5	7.3	6.3	7.64	2	0.25	2	1	29.99	
88	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A32	Nguyễn Xuân	Hoàng	23/06/1983	Nam	7.0	6.4	8.2	7.34	3	0	2	1	29.94	

TT	Tên ngành học	Mã xét tuyển	Họ	Tên	NGÀY SINH	Giới tính	Toán (1)	Hóa (2)	Sinh (3)	Điểm TBC toàn khóa Trung cấp/Cao đẳng (4)	Khu vực	Điểm ưu tiên khu vực (5)	Ưu tiên đối tượng	Điểm ưu tiên đối tượng (6)	Tổng điểm (1+2+3+4+5+6)	Ghi chú
89	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A11	Hoàng Văn	Chuyển	02/07/1990	Nam	8.0	5.8	7.1	8.03	3	0	2	1	29.93	
90	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDQN- A11	Ngô Thị	Duyên	27/8/1982	Nữ	6.6	7.9	6.2	7.98	2	0.25	2	1	29.93	
91	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	DD.A40	Phan Thị	Luyến	27/9/1990	Nữ	8.2	6.1	7.1	7.24	2	0.25	2	1	29.89	
92	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 14	Nguyễn Thị	Duyên	10/2/1994	Nữ	7.2	7.1	6.7	7.88	3	0	2	1	29.88	
93	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A86	Bùi Thị	Trang	24/04/1994	Nữ	7.5	6.4	8.2	7.74	3	0	3	0	29.84	
94	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A04	Lê Việt	Anh	23/10/1994	Nam	8.1	7.1	7.5	7.12	3	0	3	0	29.82	
95	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	DD.A41	Bùi Thị Kiều	Qanh	28/8/1986	Nữ	6.4	7.2	7.2	8.0	3	0	2	1	29.80	
96	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A35	Nguyễn Thị Mỹ	Hương	21/10/1986	Nữ	6.8	6.3	7.4	8.26	3	0	2	1	29.76	
97	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A114	Đặng Văn	Trọng	29/11/1986	Nam	6.7	6.7	7.0	7.8	2NT	0.5	2	1	29.70	
98	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A104	Đào Thị	Hương	3/11/1985	Nữ	6.5	8.2	6.5	8.0	2NT	0.5	3	0	29.70	
99	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A79	Hoàng Thị	Tuyết	20/08/1993	Nữ	7.4	7.2	8.1	6.96	3	0	3	0	29.66	
100	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDQN- A26	Vũ Thị	Mai	08/11/1995	Nữ	6.9	7.5	6.9	8.1	2	0.25	3	0	29.65	
101	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	DD.A30	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	19/8/1993	Nữ	7.7	6.8	6.8	8.09	2	0.25	3	0	29.64	
102	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	DD.A01	Đoàn Thị	Ngọc	20/9/1992	Nữ	7.1	7.3	7.2	7.0	3	0	2	1	29.60	
103	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 23	Lê Thu	Thủy	3/6/1985	Nữ	6.3	7.4	6.5	8.14	2	0.25	2	1	29.59	
104	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 56	Nguyễn Thị	Hoa	19/8/1989	Nữ	6.8	6.1	7.9	7.79	3	0	2	1	29.59	
105	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A64	Đồng Thu	Phương	16/01/1988	Nữ	6.2	6.7	8.5	7.16	3	0	2	1	29.56	
106	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 54	Nguyễn Thu	Hiền	1/8/1996	Nữ	7.5	7.9	7.3	6.85	3	0	3	0	29.55	
107	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A17	Đàm Thị Hương	Giang	17/09/1984	Nữ	5.8	8.4	6.9	7.41	3	0	2	1	29.51	
108	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDQN- A02	Bùi Vân	Anh	06/09/1991	Nữ	7.2	6.9	6.0	7.98	2	0.25	2	1	29.33	
109	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A41	Đặng Thị Minh	Huyền	18/02/1990	Nữ	6.3	7.8	7.0	7.19	3	0	2	1	29.29	
110	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A25	Nguyễn Minh	Hằng	11/11/1990	Nữ	7.7	6.7	6.6	7.28	3	0	2	1	29.28	
111	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A03	Nguyễn Thị Tuyết	Ánh	15/05/1984	Nữ	7.2	6.2	6.9	7.71	2	0.25	2	1	29.26	
112	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A08	Hoàng Thị	Châm	02/01/1981	Nữ	6.2	7.9	6.3	7.86	3	0	2	1	29.26	
113	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A92	Trịnh Quang	Hưng	25/101994	Nam	6.6	6.7	7.9	8.02	3	0	3	0	29.22	
114	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A78	Trần Thanh	Tùng	27/06/1990	Nam	5.9	7.4	7.0	7.88	3	0	2	1	29.18	
115	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDQN- A25	Bùi Thọ	Luân	28/11/1982	Nam	6.5	7.8	5.8	7.83	2	0.25	2	1	29.18	
116	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A12	Đỗ Thị Bích	Đào	15/09/1986	Nữ	7.0	7.5	7.3	7.02	2	0.25	3	0	29.07	
117	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDQN- A29	Nguyễn Thị	Ngát	01/04/1993	Nữ	6.9	7.4	5.7	7.81	2	0.25	2	1	29.06	
118	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDQN- A27	Ngô Huy	Mẫn	12/7/1982	Nam	7.6	7.3	7.0	6.9	2	0.25	3	0	29.05	
119	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A109	Nguyễn Thị Kim	Ngân	9/7/1992	Nữ	8.5	5.6	6.9	7.79	2	0.25	3	0	29.04	

TT	Tên ngành học	Mã xét tuyển	Họ	Tên	NGÀY SINH	Giới tính	Toán (1)	Hóa (2)	Sinh (3)	Điểm TBC toàn khóa Trung cấp/Cao đẳng (4)	Khu vực	Điểm ưu tiên khu vực (5)	Ưu tiên đối tượng	Điểm ưu tiên đối tượng (6)	Tổng điểm (1+2+3+4+5+6)	Ghi chú
120	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	DD.A23	Lê Thị Minh	Quyên	10/02/1987	Nữ	5.9	8.2	8.2	6.47	2	0.25	3	0	29.02	
121	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A83	Đàm Thị Lan	Phương	11/03/1992	Nữ	7.4	7.1	6.9	7.61	3	0	3	0	29.01	
122	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 07	Bình Thị	Thoa	18/3/1989	Nữ	6.5	6.6	6.6	8.03	2	0.25	2	1	28.98	
123	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	DD.A14	Nguyễn Bảo	Ngọc	30/7/1993	Nam	8.2	7.1	6.6	6.7	2	0.25	3	0	28.85	
124	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	DD.A22	Trần Thị Hồng	Thái	21/02/1994	Nữ	6.2	5.8	7.6	7.98	2	0.25	2	1	28.83	
125	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 37	Vũ Thị	Phương	09/8/1994	Nữ	7.8	6.4	6.7	7.42	2NT	0.5	3	0	28.82	
126	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A106	Trần Mạnh	Linh	18/1/1993	Nam	8.0	6.9	6.1	7.81	3	0	3	0	28.81	
127	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A84	Nguyễn Thị	Hoa	21/06/1986	Nữ	7.6	6.0	6.9	8.3	3	0	3	0	28.80	
128	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	DD.A37	Đỗ Thị	Phượng	20/5/1990	Nữ	6.7	5.6	8.2	6.95	2	0.25	2	1	28.70	
129	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 57	Ngô Thị	Hương	9/12/1995	Nữ	6.8	6.4	7.9	7.34	2	0.25	3	0	28.69	
130	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A59	Ngô Thị Ánh	Ngọc	10/08/1994	Nữ	7.1	6.9	7.0	7.18	2NT	0.5	3	0	28.68	
131	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A116	Nguyễn Thị	Yến	24/3/1995	Nữ	7.5	6.9	6.8	7.2	2	0.25	3	0	28.65	
132	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDQN- A30	Đoàn Thị	Ngọc	12/09/1980	Nữ	7.2	7.2	5.4	7.6	2	0.25	2	1	28.65	
133	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A76	Nguyễn Thị Huyền	Trang	24/02/1985	Nữ	6.5	6.7	6.4	8.03	3	0	2	1	28.63	
134	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A103	Đoàn Thị Hương	Huế	25/3/1991	Nữ	7.4	7.3	6.6	7.3	3	0	3	0	28.60	
135	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDQN- A06	Nguyễn Thị Bích	Diệp	12/07/1990	Nữ	6.2	6.1	8.0	7.04	2	0.25	2	1	28.59	
136	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A65	Lê Thị	Sâm	05/05/1982	Nữ	6.7	6.1	7.9	6.88	3	0	2	1	28.58	
137	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	DD.A39	Đỗ Thị Kim	Dung	29/8/1988	Nữ	5.6	7.0	7.7	6.99	2	0.25	2	1	28.54	
138	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	DD.A36	Nguyễn Thị	Thúy	10/9/1980	Nữ	6.8	6.2	7.1	6.68	1	0.75	2	1	28.53	
139	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDQN- A37	Phạm Hồng	Thành	15/5/1963	Nam	7.7	6.0	5.2	8.35	2	0.25	2	1	28.50	
140	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A60	Đặng Hồng	Nhung	24/05/1991	Nữ	7.2	6.9	7.2	7.17	3	0	3	0	28.47	
141	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 19	Nguyễn Thị	Nụ	08/9/1979	Nữ	7.6	5.6	6.4	7.6	2	0.25	2	1	28.45	
142	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 40	Nguyễn Thị	Thơm	02/5/1991	Nữ	5.9	6.6	7.5	7.17	2	0.25	2	1	28.42	
143	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	DD.A16	Hoàng Thị	Thanh	01/10/1986	Nữ	6.9	5.6	6.5	8.14	2	0.25	2	1	28.39	
144	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	DD.A11	Ngô Thị	Hạnh	14/01/1989	Nữ	6.6	6.5	8.1	6.83	2	0.25	3	0	28.28	
145	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A40	Trần Quang	Huy	06/08/1984	Nam	6.5	6.2	6.4	7.86	2	0.25	2	1	28.21	
146	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 05	Chu Thị Hồng	Vân	4/9/1991	Nữ	5.7	6.5	6.9	7.82	2	0.25	2	1	28.17	
147	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A107	Vũ Thị	Lơ	31/12/1988	Nữ	6.8	7.0	7.0	7.35	3	0	3	0	28.15	
148	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A58	Tạ Thị Bích	Ngọc	24/10/1990	Nữ	7.4	5.7	6.9	7.06	3	0	2	1	28.06	
149	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A46	Dương Thị	Khuyên	24/01/1991	Nữ	7.0	6.5	6.4	8.16	3	0	3	0	28.06	
150	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A101	Vũ Thị Bích	Hạnh	6/7/1983	Nữ	6.8	5.9	7.0	8.34	3	0	3	0	28.04	

TT	Tên ngành học	Mã xét tuyển	Họ	Tên	NGÀY SINH	Giới tính	Toán (1)	Hóa (2)	Sinh (3)	Điểm TBC toàn khóa Trung cấp/Cao đẳng (4)	Khu vực	Điểm ưu tiên khu vực (5)	Ưu tiên đối tượng	Điểm ưu tiên đối tượng (6)	Tổng điểm (1+2+3+4+5+6)	Ghi chú
151	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 20	Trần Thị	Thắm	20/12/1987	Nữ	5.5	6.6	6.6	8.07	2	0.25	2	1	28.02	
152	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	DD.A32	Vũ Thị	Diệu	05/8/1988	Nữ	5.1	6.0	7.5	8.16	2	0.25	2	1	28.01	
153	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDQN- A16	Phạm Văn	Hiển	02/11/1982	Nữ	6.6	6.3	6.3	7.56	2	0.25	2	1	28.01	
154	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	DD.A33	Nguyễn Thị	Hoàng	04/01/1981	Nữ	6.2	6.4	6.4	7.70	2	0.25	2	1	27.95	
155	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDQN- A07	Lê Quang	Đông	06/11/1983	Nam	6.0	5.9	6.9	7.89	2	0.25	2	1	27.94	
156	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDQN- A10	Nguyễn Thị	Duyên	21/8/1995	Nữ	6.7	6.1	6.5	8.37	2	0.25	3	0	27.92	
157	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A105	Nguyễn Khánh	Linh	2/9/1996	Nữ	5.8	7.7	7.2	7.19	3	0	3	0	27.89	
158	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A89	Phạm Văn	Nghị	04/11/1994	Nam	7.4	6.5	5.9	8.08	3	0	3	0	27.88	
159	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	DD.A34	Đặng Thị	Linh	05/11/1982	Nữ	7.0	5.0	6.1	8.28	2NT	0.5	2	1	27.88	
160	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDQN- A20	Hoàng Thị	Hương	10/10/1989	Nữ	7.2	5.7	7.3	7.41	2	0.25	3	0	27.86	
161	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A27	Nguyễn Thị	Hiền	10/08/1989	Nữ	7.8	5.0	7.3	6.74	3	0	2	1	27.84	
162	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 36	Nguyễn Đình	Cương	12/02/1993	Nam	5.6	8.3	6.7	6.99	2	0.25	3	0	27.84	
163	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 21	Nguyễn Thị	Toàn	28/10/1984	Nữ	6.3	6.6	6.1	7.59	2	0.25	2	1	27.84	
164	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A71	Nguyễn Thị Hoài	Thu	13/10/1987	Nữ	6.8	5.7	7.6	7.71	3	0	3	0	27.81	
165	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A75	Lê Thu	Trang	25/10/1988	Nữ	6.5	6.1	7.6	7.6	3	0	3	0	27.80	
166	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A21	Phạm Ngọc	Hà	26/09/1992	Nữ	6.1	5.7	7.9	8.08	3	0	3	0	27.78	
167	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDQN- A39	Nguyễn Thanh	Thuý	17/12/1988	Nữ	5.9	6.1	7.5	6.96	2	0.25	2	1	27.71	
168	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	DD.A13	Vũ Văn	Tuấn	24/6/1994	Nam	7.1	6.8	6.4	6.4	3	0	2	1	27.70	
169	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 02	Trần Thị Tuyết	Nhung	13/02/1992	Nữ	6.1	5.8	6.9	7.62	2	0.25	2	1	27.67	
170	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDQN- A28	Lưu Thành	Nam	15/9/1993	Nam	6.8	7.3	6.2	6.1	2	0.25	2	1	27.65	
171	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	DD.A27	Nguyễn Thị	Ngân	03/7/1993	Nữ	7.3	6.0	6.8	6.5	3	0	2	1	27.60	
172	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A53	Hoàng Thị Thúy	Loan	12/09/1978	Nữ	6.5	6.9	5.2	7.99	3	0	2	1	27.59	
173	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A100	Lưu Thị Thu	Hà	31/5/1987	Nữ	6.7	5.9	6.1	7.86	3	0	2	1	27.56	
174	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A30	Phạm Thị Thu	Hòa	05/08/1987	Nữ	6.5	5.3	7.2	7.56	3	0	2	1	27.56	
175	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 13	Nguyễn Thị Thanh	Nga	18/4/1990	Nữ	7.1	6.1	6.3	6.79	2	0.25	2	1	27.54	
176	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 43	Nguyễn Thị Kim	Ngân	02/11/1994	Nữ	7.2	6.2	6.1	7.03	3	0	2	1	27.53	
177	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	DD.A29	Nguyễn Thị	Gấm	20/5/1991	Nữ	5.3	7.1	6.9	6.95	2	0.25	2	1	27.50	
178	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A26	Trần Đức	Hiền	10/11/1984	Nam	8.0	6.8	4.7	6.96	3	0	2	1	27.46	
179	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A74	Nguyễn Thị	Trang	31/08/1995	Nữ	6.0	6.5	7.6	7.36	3	0	3	0	27.46	
180	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 16	Nguyễn Đình	Toàn	9/11/1996	Nam	6.2	6.5	8.2	6.54	3	0	3	0	27.44	
181	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A39	Vũ Thị Bích	Hường	05/05/1979	Nữ	6.3	5.2	6.7	8.15	3	0	2	1	27.35	

TT	Tên ngành học	Mã xét tuyển	Họ	Tên	NGÀY SINH	Giới tính	Toán (1)	Hóa (2)	Sinh (3)	Điểm TBC toàn khóa Trung cấp/Cao đẳng (4)	Khu vực	Điểm ưu tiên khu vực (5)	Ưu tiên đối tượng	Điểm ưu tiên đối tượng (6)	Tổng điểm (1+2+3+4+5+6)	Ghi chú
182	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	DD.A43	Bùi Quang	Hoàn	17/12/1994	Nam	5.3	7.5	5.9	7.4	2	0.25	2	1	27.35	
183	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDQN- A18	Nguyễn Thị	Hồng	25/06/1982	Nữ	6.4	6.7	5.3	7.7	2	0.25	2	1	27.35	
184	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 45	Đặng Thị Hồng	Nhung	27/10/1985	Nữ	5.1	6.4	6.8	7.78	2	0.25	2	1	27.33	
185	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A117	Nguyễn Thị	Yến	20/9/1986	Nữ	6.4	6.5	6.4	8.0	3	0	3	0	27.30	
186	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	DD.A21	Bùi Thị	Lệ	09/11/1991	Nữ	6.6	6.1	6.8	7.48	2	0.25	3	0	27.23	
187	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDQN- A15	Nguyễn Thị Thu	Hà	01/08/1982	Nữ	6.6	6.0	5.9	7.4	2	0.25	2	1	27.15	
188	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 55	Nguyễn Hoàng Tiến	Đạt	9/12/1994	Nam	6.8	5.9	7.4	7	3	0	3	0	27.10	
189	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A82	Dương Thanh	Tùng	13/12/1978	Nam	6.3	6.2	6.0	7.56	3	0	2	1	27.06	
190	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A28	Nguyễn Thị	Hiền	15/11/1991	Nữ	6.0	7.2	6.2	7.64	3	0	3	0	27.04	
191	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	DD.A02	Vũ Mai	Thương	11/6/1991	Nữ	7.0	5.8	7.0	6.96	2	0.25	3	0	27.01	
192	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A90	Đặng Thị	Hoa	03/07/1977	Nữ	6.6	6.1	6.4	6.9	3	0	2	1	27.00	
193	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A63	Đặng Thị Thảo	Phương	17/10/1995	Nữ	5.7	6.3	7.2	7.51	2	0.25	3	0	26.96	
194	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 28	Trần Thị Thanh	Hoa	01/12/1991	Nữ	6.9	7.0	5.5	7.54	3	0	3	0	26.94	
195	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A05	Trần Thị	Anh	13/08/1990	Nữ	5.3	5.8	7.6	7.22	3	0	2	1	26.92	
196	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A94	Nguyễn Thị Thu	Thủy	02/01/1982	Nữ	6.1	5.4	7.0	7.4	3	0	2	1	26.90	
197	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDQN- A40	Trần Thị	Thủy	15/2/1993	Nữ	4.8	6.6	8.0	7.2	2	0.25	3	0	26.85	
198	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 48	Lê Thị Thuý	Hằng	11/2/1983	Nữ	6.9	6.8	5.8	7.27	3	0	3	0	26.77	
199	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 49	Hoàng Thùy	Linh	13/4/1986	Nữ	6.2	6.3	6.9	7.32	3	0	3	0	26.72	
200	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 06	Nguyễn Thị	Liễu	11/8/1987	Nữ	3.7	6.5	7.1	8.06	2	0.25	2	1	26.61	
201	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDQN- A38	Nguyễn Thị	Thuỳ	01/11/1982	Nữ	5.8	6.4	5.6	7.5	2	0.25	2	1	26.55	
202	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A99	Nguyễn Thị	Chuyền	02/6/1990	Nữ	6.0	6.4	6.6	7.52	3	0	3	0	26.52	
203	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	DD.A25	Nguyễn Thị	Hồng	09/09/1994	Nữ	6.9	5.4	6.3	7.63	2	0.25	3	0	26.48	
204	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 32	Đỗ Thị	Hương	08/02/1987	Nữ	6.1	5.9	5.4	7.73	2	0.25	2	1	26.38	
205	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A55	Nguyễn Văn	Ngà	01/07/1986	Nam	5.9	6.3	5.8	7.3	3	0	2	1	26.30	
206	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A70	Đặng Thị Phương	Thảo	17/10/1995	Nữ	6.0	6.3	6.6	7.39	3	0	3	0	26.29	
207	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 01	Bùi Thị	Xuyến	26/7/1986	Nữ	5.5	5.0	6.6	7.84	2	0.25	2	1	26.19	
208	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDQN- A21	Nguyễn Thị	Hương	06/10/1983	Nữ	6.0	5.4	5.8	7.7	2	0.25	2	1	26.15	
209	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDQN- A34	Vũ Hà	Phương	29/11/1996	Nữ	7.1	6.1	6.2	6.5	2	0.25	3	0	26.15	
210	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A48	Vũ Ngọc	Liên	24/04/1990	Nữ	6.2	6.4	6.5	6.96	3	0	3	0	26.06	
211	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A22	Phạm Thị	Hằng	19/07/1988	Nữ	6.9	5.3	6.4	7.44	3	0	3	0	26.04	
212	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDQN- A01	Lê Ngọc	Anh	05/10/1994	Nữ	5.5	5.5	6.4	8.36	2	0.25	3	0	26.01	

TT	Tên ngành học	Mã xét tuyển	Họ	Tên	NGÀY SINH	Giới tính	Toán (1)	Hóa (2)	Sinh (3)	Điểm TBC toàn khóa Trung cấp/Cao đẳng (4)	Khu vực	Điểm ưu tiên khu vực (5)	Ưu tiên đối tượng	Điểm ưu tiên đối tượng (6)	Tổng điểm (1+2+3+4+5+6)	Ghi chú
213	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A02	Kiều Nguyệt	Nga	08/05/1989	Nữ	4.5	6.3	6.4	7.79	3	0	2	1	25.99	
214	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A69	Nguyễn Phương	Thảo	09/10/1983	Nữ	5.2	5.3	6.7	7.79	3	0	2	1	25.99	
215	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	DD.A28	Nguyễn Thị Thùy	Linh	29/10/1994	Nữ	7.2	5.7	5.5	7.29	2	0.25	3	0	25.94	
216	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A16	Đàm Thị Thúy	Duyên	01/11/1987	Nữ	5.1	6.2	6.7	7.88	3	0	3	0	25.88	
217	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A56	Bùi Thị	Ngân	21/03/1991	Nữ	5.2	5.9	6.9	7.85	3	0	3	0	25.85	
218	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A31	Đặng Thị Thanh	Hoài	16/10/1991	Nữ	6.4	5.5	6.7	7.22	3	0	3	0	25.82	
219	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDQN- A09	Nguyễn Thị Thanh	Dung	27/5/1988	Nữ	6.6	5.6	5.8	6.57	2	0.25	2	1	25.82	
220	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A91	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	17/10/1985	Nữ	6.2	5.1	5.7	7.81	3	0	2	1	25.81	
221	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A66	Phạm Thị	Sen	15/07/1992	Nữ	6.0	5.6	7.2	7.0	3	0	3	0	25.80	
222	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	DD.A06	Nguyễn Thị Bích	Thảo	28/8/1995	Nữ	6.1	5.9	6.6	6.95	2	0.25	3	0	25.80	
223	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 41	Nguyễn Thị Hương	Ly	25/11/1990	Nữ	6.3	6.0	6.5	7.0	3	0	3	0	25.80	
224	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A14	Nguyễn Bích	Diệp	27/09/1988	Nữ	6.1	5.9	5.9	7.88	3	0	3	0	25.78	
225	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A57	Nguyễn Bích	Ngọc	05/02/1991	Nữ	5.4	6.4	6.7	7.22	3	0	3	0	25.72	
226	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDQN- A19	Vũ Thị	Huệ	17/9/1974	Nữ	4.8	6.1	6.0	7.5	2	0.25	2	1	25.65	
227	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A85	Hoàng Thị Thu	Hằng	09/01/1977	Nữ	4.7	6.2	5.4	8.29	3	0	2	1	25.59	
228	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A98	Hoàng Đình	Chung	18/4/1988	Nam	5.4	6.0	5.4	7.76	3	0	2	1	25.56	
229	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A52	Vũ Ngọc	Linh	24/04/1990	Nữ	6.0	6.7	5.9	6.96	3	0	3	0	25.56	
230	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A68	Lê Thị	Tâm	15/09/1993	Nữ	6.1	6.8	5.7	6.92	3	0	3	0	25.52	
231	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 47	Lê Thị Thu	Hiền	25/11/1986	Nữ	6.0	5.4	6.6	7.43	3	0	3	0	25.43	
232	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A23	Trịnh Thị	Hằng	12/01/1994	Nữ	6.4	6.0	5.9	7.09	3	0	3	0	25.39	
233	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A102	Trần Thị Thu	Hiền	8/12/1974	Nữ	5.3	5.4	6.6	8.02	3	0	3	0	25.32	
234	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 24	Đặng Thị	Hiền	24/7/1990	Nữ	6.6	4.5	5.4	7.51	2	0.25	2	1	25.26	
235	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDQN- A04	Bùi Đức	Anh	11/7/1995	Nam	7.0	6.1	4.9	6.98	2	0.25	3	0	25.23	
236	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A118	Đặng Thị	Hiền	5/6/1986	Nữ	5.4	5.5	5.6	7.67	3	0	2	1	25.17	
237	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A67	Trương Danh	Tài	06/10/1993	Nam	6.2	5.9	5.9	7.17	3	0	3	0	25.17	
238	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 46	Kiều Thị	Quyền	5/7/1990	Nữ	5.8	5.6	6.1	7.58	3	0	3	0	25.08	
239	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 15	Nguyễn Thị Bích	Thủy	20/11/1995	Nữ	5.3	6.1	6.5	6.86	2	0.25	3	0	25.01	
240	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A34	Đỗ Thị	Huệ	24/09/1990	Nữ	5.9	5.3	6.2	7.6	3	0	3	0	25.00	
241	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 52	Nguyễn Thị Bích	Liên	1/6/1994	Nữ	6.1	5.7	6.1	7.04	3	0	3	0	24.94	
242	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A42	Trịnh Thị Thanh	Huyền	29/09/1990	Nữ	5.1	5.5	6.0	7.29	3	0	2	1	24.89	
243	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A13	Nguyễn Thị	Diệp	24/08/1990	Nữ	5.0	7.0	5.0	7.63	3	0	3	0	24.63	

TT	Tên ngành học	Mã xét tuyển	Họ	Tên	NGÀY SINH	Giới tính	Toán (1)	Hóa (2)	Sinh (3)	Điểm TBC toàn khóa Trung cấp/Cao đẳng (4)	Khu vực	Điểm ưu tiên khu vực (5)	Ưu tiên đối tượng	Điểm ưu tiên đối tượng (6)	Tổng điểm (1+2+3+4+5+6)	Ghi chú
244	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 03	Nguyễn Thị Lan	Anh	13/10/1979	Nữ	5	5	5	8.29	2	0.25	2	1	24.54	
245	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 22	Đặng Viết	Tính	12/9/1978	Nam	4.8	5.3	5.4	7.47	2	0.25	2	1	24.22	
246	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 58	Phan Thị	Diệp	27/2/1991	Nữ	5.2	5.5	5.6	7.73	3	0	3	0	24.03	
247	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	DD.A03	Đinh Văn	Chung	03/10/1995	Nam	6.5	5.5	5.1	6.56	2	0.25	3	0	23.91	
248	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A111	Nguyễn Thị	Thắm	22/2/1990	Nữ	4.8	5.2	6.4	7.45	3	0	3	0	23.85	
249	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A81	Nguyễn Thị	Xuân	14/06/1972	Nữ	5	4.7	5.5	7.54	3	0	2	1	23.74	
250	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A47	Bùi Thúy	Lâm	19/06/1992	Nữ	5.4	4.9	5.5	7.93	3	0	3	0	23.73	
251	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A62	Nguyễn Thị Thu	Phương	19/01/1983	Nữ	4.3	6.0	5.3	8.1	3	0	3	0	23.70	
252	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A113	Nguyễn Hà Thu	Trang	17/11/1981	Nữ	4.4	6.1	5.6	7.59	3	0	3	0	23.69	
253	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDQN- A24	Lê Hương	Linh	12/04/1973	Nữ	5.4	5.0	4.7	7.34	2	0.25	2	1	23.69	
254	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 50	Đàm Thị	Hoàn	12/1/1986	Nữ	4.8	5.3	5.7	7.72	3	0	3	0	23.52	
255	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	DD.A44	Nguyễn Thị	Hiền	20/06/1986	nữ	5.4	5.1	5.9	6.79	2	0.25	3	0	23.44	
256	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A97	Nguyễn Văn	Bảy	20/6/1988	Nam	5.2	5.6	5.2	7.00	3	0	3	0	23.00	
257	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A10	Nguyễn Thị	Chuyên	12/01/1989	Nữ	5	5	5	7.77	3	0	3	0	22.77	
258	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 51	Phạm Văn	Ba	23/10/1984	Nam	5	5	5	6.63	3	0	2	1	22.63	
259	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	DD.A35	Vũ Thu	Phương	26/7/1984	Nữ	7.2	5.5	5.7	3.17	3	0	2	1	22.57	
260	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	HĐ 26	Phạm Đức	Hiếu	26/7/1990	Nữ	5.0	5.3	5.2	6.28	2NT	0.5	3	0	22.28	
261	Điều dưỡng (CĐ - ĐH)	ĐDHN- A07	Hoàng Xuân	Bách	16/02/1987	Nam	4.7	4.3	5.5	7.53	3	0	3	0	22.03	

Tổng số: 261

Người lập biểu

Bùi Đ Tuấn

Hải Phòng, ngày 02 tháng 04 năm 2019

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN LIÊN THÔNG ĐIỀU DƯỠNG HỆ VLVH TỪ TRUNG CẤP LÊN ĐẠI HỌC NĂM 2018 - 2019 - ĐỢT 2

(Kèm theo Quyết định số 324 /QĐ-YDHP, ngày 02 tháng 4 năm 2019 về việc công nhận thí sinh trúng tuyển hệ liên thông VLVH ngành Điều dưỡng năm 2018)

STT	Tên ngành học	MÃ XÉT TUYỂN	Họ	Tên	NGÀY SINH	Giới tính	Toán (1)	Hóa (2)	Sinh (3)	Điểm TBC toàn khóa Trung cấp/Cao đẳng (4)	Khu vực	Điểm ưu tiên khu vực (5)	Ưu tiên đối tượng	Điểm ưu tiên đối tượng (6)	TỔNG ĐIỂM (1+2+3+4+5+6)	Ghi chú
1	Điều dưỡng (TC - ĐH)	DD.B04	Lê Văn	Long	14/4/1990	Nam	8.2	7.7	8.3	7.2	2	0.25	3	0	31.65	
2	Điều dưỡng (TC - ĐH)	DD.B10	Vũ Thị	Hòa	24/11/1990	Nữ	8.0	7.5	7.6	7.0	3	0	2	1	31.10	
3	Điều dưỡng (TC - ĐH)	DD.B06	Trần Phương	Dung	08/5/1987	Nữ	8.2	7.3	7.2	6.8	3	0	2	1	30.50	
4	Điều dưỡng (TC - ĐH)	DD.B07	Nguyễn Thị	Thắm	21/11/1985	Nữ	7.0	7.0	7.6	7.3	3	0	2	1	29.90	
5	Điều dưỡng (TC - ĐH)	DD.B05	Lê Thị Anh	Minh	08/5/1983	Nữ	7.7	7.0	6.7	7.2	3	0	2	1	29.60	
6	Điều dưỡng (TC - ĐH)	DD.B01	Vũ Thị	Làn	03/7/1988	Nữ	5.9	5.8	8.1	7.5	2	0.25	2	1	28.55	
7	Điều dưỡng (TC - ĐH)	DD.B08	Ngô Thị	Hương	28/5/1992	Nữ	7.1	7.2	6.2	6.8	3	0	2	1	28.30	
8	Điều dưỡng (TC - ĐH)	DD.B11	Nguyễn Thị	Hiền	12/5/1987	Nữ	5.9	6.4	7.2	7.0	3	0	2	1	27.50	
9	Điều dưỡng (TC - ĐH)	DD.B03	Nguyễn Thị	Đằm	14/10/1990	Nữ	6.0	5.6	6.1	6.1	3	0	2	1	24.80	
10	Điều dưỡng (TC - ĐH)	DD.B09	Đỗ Thị Lan	Hương	04/7/1980	Nữ	5.2	6.0	5.5	6.4	3	0	2	1	24.10	
11	Điều dưỡng (TC - ĐH)	DD.B12	Lê Thị	Duyên	17/9/1984	Nữ	5.2	5.3	6.3	6.2	3	0	2	1	24.00	
12	Điều dưỡng (TC - ĐH)	DD.B02	Nguyễn Thị Hồng	Châm	23/11/1979	Nữ	5.2	5.2	5.9	6.5	3	0	2	1	23.80	

Tổng số: 12

Hải Phòng, ngày 02 tháng 04 năm 2019

Người lập biểu

Bùi Lê Tuấn

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Nguyễn Văn Khải